



Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ  
Số chuyên đề: Khoa học Giáo dục

website: sj.ctu.edu.vn

DOI:10.22144/ctu.jsi.2019.094

**DẠY HỌC TÁC PHẨM VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC**

Nguyễn Đức Thăng\*

Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Đức Thăng (email: ducthange2@gmail.com)

**Thông tin chung:**

Ngày nhận bài: 20/03/2019

Ngày nhận bài sửa: 14/05/2019

Ngày duyệt đăng: 22/07/2019

**Title:**

Teaching Medieval Vietnamese Literature in High School Based on the Learners' Capacity Approach

**Từ khóa:**

Dạy học tiếp cận năng lực, học sinh trung học phổ thông, tác phẩm văn học trung đại Việt Nam

**Keywords:**

High school students, teaching in accordance with the capacity approach, Vietnamese medieval literature

**ABSTRACT**

Teaching in accordance with the capacity approach is based on the learners' ability system to nourish and develop those abilities appropriately and effectively so that each learner will be able to obtain the knowledge, the capability and life skills to achieve specific goals. In this approach, teaching Medieval Vietnamese Literature to High school students needs to be based on their own general and specific capabilities to build up and develop these capacities to their fullest potentials, to help them achieve the valuable knowledge and quintessence of this historic part of literature (including aesthetics, humanity and speech). The students can then transform and make effective use of those values in their work and real lives. The research shows that the combination of mastering the capacity approach in teaching, knowledge of characteristics of Medieval Vietnamese literature and other positive teaching methods will bring practical results in both teaching and learning Medieval Vietnamese literature.

**TÓM TẮT**

Dạy học theo hướng tiếp cận năng lực là dựa vào hệ thống năng lực ở người học; bồi dưỡng, phát triển hệ thống đó một cách phù hợp, tối ưu để từng cá thể có kiến thức, khả năng, kỹ năng sống, làm việc đạt những mục đích cụ thể. Theo hướng này, giảng dạy tác phẩm văn học trung đại Việt Nam cho học sinh trung học phổ thông cần dựa vào hệ thống năng lực (năng lực chung và năng lực cụ thể) của đối tượng; bồi dưỡng, phát huy cao nhất, giúp họ chiếm lĩnh tri thức, nhất là tinh hoa của thành phần văn học này (bao gồm các giá trị thẩm mỹ, nhân văn, ngôn từ); đồng thời chuyển hóa, vận dụng những giá trị đó vào thực tế đời sống, phục vụ công việc hữu ích. Bài viết cho thấy: Nắm vững mục tiêu dạy học tiếp cận năng lực, đặc trưng văn học trung đại Việt Nam, kết hợp các phương pháp dạy học tích cực sẽ đem lại kết quả thiết thực trong hoạt động giảng dạy - học tập văn học trung đại Việt Nam ở trường trung học phổ thông.

Trích dẫn: Nguyễn Đức Thăng, 2019. Dạy học tác phẩm văn học trung đại Việt Nam ở trung học phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(Số chuyên đề: Khoa học Giáo dục): 22-28.

**1 DẪN NHẬP**

Từ thập niên cuối của thế kỷ XX, nhiều nhà giáo dục đã đề cập đến hai hình thức tiếp cận: tiếp cận

nội dung và tiếp cận kết quả. Tiếp cận nội dung là giáo dục, giảng dạy quan tâm đến việc học sinh (HS) cần biết, cần lĩnh hội những gì? Vì vậy, chương trình chú ý yêu cầu nội dung học văn của chuyên môn.

Dạy học tiếp cận kết quả - những khả năng hoặc kỹ năng mà học sinh mong muốn đạt được vào cuối mỗi giai đoạn học tập trong nhà trường ở mỗi môn học cụ thể. Câu hỏi thường trực của chương trình dạy học tiếp cận năng lực là: Từ những điều đã biết, HS sẽ làm được và tất yếu phải làm được những gì?

## 2 NỘI DUNG

### 2.1 Khái luận về dạy học tiếp cận năng lực

Dạy học tiếp cận năng lực cần chỉ rõ những khả năng, kỹ năng mà HS phải đạt được ở một môn học cụ thể của từng giai đoạn học tập trong nhà trường. Như vậy, năng lực gắn chặt với mục tiêu dạy học. Người thầy ở mỗi giai đoạn cần đánh thức năng lực tiềm ẩn nơi người học, cung cấp cho đối tượng “một năng lượng sống” để phát triển cân đối, hài hòa - tức là kết thúc một giai đoạn giáo dục; người học có sự trưởng thành về tri thức, văn hóa, trí tuệ, nhân cách, bản lĩnh để đối diện, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. Đó chính là việc thầy hướng dẫn, dìu dắt, rèn luyện năng lực tư duy cho học sinh. Bàn về năng lực cũng như dạy học theo hướng tiếp cận năng lực tồn tại nhiều ý kiến nhưng có thể thấy những điểm chung, chính yếu sau đây:

Thứ nhất, hiểu về năng lực như thế nào? năng lực là sự kết hợp giữa tư duy, thái độ, kỹ năng và hành vi (tiềm năng hoặc có sẵn) để cá nhân, tập thể thực hiện công việc hiệu quả. Cách hiểu này là tổng hợp nghiên cứu nhiều lý thuyết: thuyết hành vi, thuyết chức năng, thuyết nhân học. Những ghi nhận này liên quan mật thiết đến vấn đề dạy học tiếp cận năng lực.

Thứ hai, dạy học dựa trên năng lực, giáo viên (GV) thiết kế nội dung giảng dạy, giữ vai trò định hướng, tổ chức, điều khiển giúp người học tự tìm hiểu, lĩnh hội tri thức hướng đến mục đích cụ thể. Phương thức giảng dạy này kết hợp đánh giá thể hiện ở kiến thức, thái độ, kỹ năng, hành vi người học đạt được trình độ theo yêu cầu. Đó là bản chất giáo dục tiếp cận kết quả đầu ra.

Thứ ba, cần hiểu năng lực người học bao gồm năng lực chung (năng lực chính, cơ bản, thiết yếu, xuyên chương trình) và năng lực riêng (năng lực chuyên biệt, đặc thù, cụ thể) (Đặng Văn Bình và *ctv.*, 2018). Năng lực chung giúp con người tồn tại, có khả năng đáp ứng những công việc bình thường trong xã hội, hướng tới hai mục đích. Mục đích thứ nhất, con người có khả năng tạo ra những kết quả hữu ích cho cộng đồng. Mục đích thứ hai, trong bối cảnh rộng lớn của xã hội hiện đại, có sự hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng (về văn hóa, kinh tế, giáo dục...); con người đáp ứng được sự phức tạp và những chuyển biến nhanh chóng của thời đại để cá nhân tồn tại, đóng góp hữu ích vào sự tồn tại, phát

triển của nhân loại. Năng lực riêng có thể xem là “tài sản riêng tư” của cá nhân; được hình thành, phát triển trên một lĩnh vực cụ thể. Với môn Ngữ văn nói chung, văn học trung đại nói riêng được giảng dạy ở nhà trường phổ thông thì năng lực cụ thể được hình thành, phát triển là năng lực thẩm mỹ (khám phá và thưởng thức cái đẹp), năng lực ngôn ngữ (làm chủ và giao tiếp tiếng Việt, tạo lập văn bản). Những nghiên cứu trong dạy học Ngữ văn đã chứng minh rằng những năng lực này chỉ được hình thành, phát triển thông qua các kỹ năng cụ thể như: nghe, nói, đọc, viết, suy luận, phân biện, khai thác thông tin... Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu, nội dung “Chương trình giáo dục phổ thông - chương trình tổng thể, 07.2017”: “Chương trình giáo dục phổ thông cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017); Chương trình Giáo dục Phổ thông môn Ngữ văn, Ban hành kèm theo thông tư 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26-12-2018. Về mục tiêu đánh giá: “Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

### 2.2 Đặc điểm dạy học tác phẩm văn học trung đại Việt Nam theo hướng tiếp cận năng lực

Tác phẩm văn học là “công trình nghệ thuật ngôn từ do một cá nhân hoặc tập thể sáng tạo nhằm thể hiện những khái quát bằng hình tượng về cuộc sống con người, biểu hiện tâm tư, tình cảm, thái độ của chủ thể trước thực tại” (Lê Bá Hán và *ctv.*, 2010). Trong khái niệm này, các yếu tố ngôn ngữ, tư tưởng - tình cảm, thể giới hình ảnh - biểu tượng có ý nghĩa quan trọng quyết định sự tồn tại và giá trị tác phẩm. Những tác phẩm văn học ưu tú giúp người học trưởng thành về nhận thức, tư tưởng - tình cảm; bồi dưỡng nhân cách, lý tưởng sống; góp phần dựng xây, hoàn thiện xã hội. Tuy nhiên ở mỗi thời kỳ, tác phẩm văn học có những đặc điểm riêng người nghiên cứu, học tập cần hiểu rõ.

### 2.3 Năm vững đặc điểm văn học trung đại Việt Nam

Văn học trung đại Việt Nam có những mã khóa đặc thù khá xa lạ với con người hiện đại. Vì thế, muốn đọc - hiểu, thưởng thức được vẻ đẹp của nó; người học cần nắm chắc mã khóa cơ bản - đặc trưng của bộ phận văn học này, từ đó giải mã thành công

tác phẩm. Văn học thời kỳ này có những đặc điểm cơ bản sau:

Về quan niệm văn học: Phương đông cổ xưa quan niệm văn bắt nguồn ở tồn tại khách quan. “Tầm quan trọng “đức” của văn thực là to lớn. Văn cùng ra đời một lần với trời đất... Con người có hoạt động tinh thần (tâm) thì lời nói xuất hiện, lời nói xuất hiện thì cái văn sáng lên” (Aristote và Luu Hiệp, 1999). Thời Khổng Tử, từ “văn” dùng để chỉ văn hóa, học vấn, học thuật; sau dùng chỉ về đẹp hình thức. Khổng Tử là người tiêu biểu của học phái Nho gia có quan niệm: “Thơ có thể làm phấn khởi ý chí, giúp quan sát phong tục, hòa hợp với mọi người, bày tỏ nỗi sầu oán, gần thì thờ cha, xa thì thờ vua” (Phương Lưu và *ctv.*, 2006). Ở Việt Nam, Lê Thánh Tông (1422-1497) cũng nói rõ quan hệ máu thịt giữa văn học với đạo đức, lễ giáo trong bài *Tựa Quỳnh uyển cửu ca*, Lê Thánh Tông đề cao “văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí”. Nhưng ở các thời kỳ sau đó, quan niệm văn chương, quan niệm sáng tác đã có những thay đổi.

Cách hiểu văn chương của người xưa không chỉ thể hiện trong cách dùng các từ “văn”, “văn học”, “văn chương” mà còn thể hiện trong cách phân loại, xếp loại. Đến nay, một hệ thống phân loại văn học trung đại hợp lý, hoàn bị vẫn chưa có. Tuy nhiên, dựa vào cách phân loại của các nhà nghiên cứu thì có thể thấy, các thể thơ, phú, hát nói, tiểu thuyết chương hồi... thuộc văn nghệ thuật. Các thể chiếu, cáo, dụ, hịch... thuộc văn chức năng.

Về ngôn ngữ: Đặc điểm ngôn từ văn học trung đại là hiện tượng song ngữ. Chữ Hán được dùng làm văn tự chính thức trong bộ máy nhà nước. Chữ Nôm xuất hiện muộn và không được sử dụng chính thức. Hiện tượng này hình thành hai bộ phận văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm. Những tác phẩm được viết bằng chữ Hán, người đọc tiếp cận phiên âm, dịch thơ; cần lưu ý bản dịch nghĩa để hiểu chính xác ngôn ngữ văn bản. Tác phẩm được viết bằng chữ Nôm, phiên âm ra chữ quốc ngữ, có thể có nhiều dị bản. Chú ý điều này để có sự lựa chọn hợp lý khi tiếp cận văn bản.

Tính quy phạm trong văn học trung đại - là khuôn phép trong quan niệm nghệ thuật, chức năng văn học (coi trọng mục đích giáo huấn), trong tập quán tư duy sáng tác (theo những kiểu mẫu công thức); cách sử dụng thi liệu, văn liệu theo những công thức mang tính ước lệ tượng trưng; sử dụng những thể loại có kết cấu định hình, niêm luật chặt chẽ; đề cao phép đối, sự hài hòa; thường dùng điển tích, điển cố, từ cổ. Bút pháp thể hiện tính quy phạm của mỹ học phong kiến còn thể hiện ở tính chặt đối xứng (tả, hữu, trong, ngoài), thể hiện trong kết cấu

theo lối song tuyến, trong sự tương phản về mỹ từ pháp, trong lối văn biền ngẫu, ở hình thức cân đối.

Tính cao nhã trong văn học trung đại là sự cao quý, thanh nhã thể hiện ở quan niệm, nội dung, chức năng xã hội của văn chương. Người xưa quan niệm “văn” là đẹp, “chương” là sáng, “văn chương” là lời rực rỡ bóng bẩy, có vẻ đẹp, vẻ sáng. Do vậy văn học trung đại xây dựng nhiều hình tượng đẹp, cảm xúc thanh tao.

Tính vô ngã và hữu ngã trong văn học trung đại, Lê Trí Viễn đã bàn kỹ vấn đề này trong mục “Từ chủ yếu vô ngã sang chủ yếu hữu ngã”. Theo nhà nghiên cứu, sự thể hiện con người trong văn học trung đại có sự chuyển dịch từ con người vô ngã sang con người hữu ngã. Con người vô ngã “chưa khẳng định hoặc chưa khẳng định rõ rệt bản ngã mình” nhưng sự vận động xã hội, nhất là tác động từ chính trị, văn hóa dẫn đến sự tự ý thức về cá nhân lớn dần lên, đòi được quyền sống và tự bộc lộ mình... thì con người chủ yếu vô ngã ấy chuyển sang con người chủ yếu hữu ngã mặc dù vẫn còn vô ngã” (Lê Trí Viễn, 2010).

Đặc điểm tư tưởng - tình cảm trong văn học trung đại thể hiện sắc thái riêng: “Tác phẩm văn học trung đại thiên về biểu hiện tâm, chí mà ít tả thực các hiện tượng đời sống... cần khai thác tâm sự, chí hướng, lý tưởng, nhân cách của tác giả được gửi gắm trong văn bản” (Trần Đình Sử và *ctv.*, 2006). Văn học gắn bó với vận mệnh đất nước, số phận con người Việt Nam, nên những truyền thống tư tưởng lớn và sâu sắc của dân tộc thể hiện trong văn học trung đại là chủ nghĩa yêu nước, anh hùng, lòng tự hào dân tộc; tình thương người, lòng nhân nghĩa; tình yêu thiên nhiên; tinh thần lạc quan.

## 2.4 Một số phương pháp dạy học tác phẩm văn học trung đại Việt Nam theo hướng tiếp cận năng lực

### 2.4.1 Phương pháp đọc - hiểu văn bản văn học trung đại

Tác phẩm văn học trung đại, thì phương pháp đọc - hiểu văn bản văn học rất quan trọng; phương pháp này cần thực hiện theo trình tự sau:

- Dựa vào ngữ cảnh để xác định ý nghĩa (ngôn từ, hình tượng) văn bản. Ngữ cảnh là khái niệm then chốt để đọc hiểu văn bản văn học. Có ba bình diện ngữ cảnh: ngữ cảnh văn bản, ngữ cảnh tình huống, ngữ cảnh văn hóa. Ngữ cảnh văn bản là toàn bộ tổ chức văn bản với các mối liên hệ về mạch văn, trật tự trước sau mà chỉ trong ngữ cảnh ấy thì một từ, câu, điển cố mới có được ý nghĩa xác định. Ngữ cảnh tình huống là hoàn cảnh của phát ngôn khi con người sử dụng ngôn từ để giao tiếp. Ngữ cảnh tình huống bao gồm: tình huống, thời gian, không gian,

nhân vật giao tiếp. Ngữ cảnh văn hóa là bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa của thời đại tác giả sáng tác. Cách đọc lý tưởng là tính đến mọi ngữ cảnh có thể tác động đến nội dung văn bản.

Ví dụ đọc - hiểu bài thơ *Cáo tật thị chúng* (Có bệnh bảo mọi người) của Mãn Giác thiền sư. Với học sinh lớp 10 - thì đây là bài thơ khó hiểu vì tác phẩm chứa đựng triết lý Phật giáo và tư tưởng nhân sinh cao sâu. Triết lý Phật giáo là quan niệm hóa sinh tuần hoàn đề khẳng định con người giác ngộ có thể vượt lên lẽ sinh hóa thông thường. Bài thơ cũng thể hiện quan niệm nhân sinh tích cực: sự vui tươi thời gian trôi chảy, tuổi già sẽ đến; vì thế con người phải sống tích cực, không thể sống vô nghĩa. Từ đó con người có lòng yêu đời, có tinh thần lạc quan trước cuộc sống.

Ví dụ với tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, tư tưởng nhân nghĩa được thể hiện, soi sáng trong ngữ cảnh văn bản rất rõ ràng, chặt chẽ, cụ thể qua từ ngữ (*nhân nghĩa, dấy nghĩa, đại nghĩa...*; từ liên kết, chuyển ý (*từng nghe, vậy nên, vừa rồi...*), câu đầu văn bản (*việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt trước lo trừ bạo*), sắp xếp ý tưởng, bố cục toàn bài... Ngữ cảnh tình huống của bài cáo: cuối năm 1427 đến đầu năm 1428; sau khi dẹp tan giặc Minh, Lê Lợi giao cho Nguyễn Trãi viết *Bình Ngô đại cáo*. Đọc - hiểu tác phẩm không thể không quan tâm đến thể loại “cáo”, một số từ ngữ, điển cố (*nhân nghĩa, điếu phạt, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào, cỗ xe cầu hiền... còn dành phía tả, mưu phạt, tâm công, cỗ nhung y, thần vũ, hiếu sinh...*) để hiểu vai trò của ngữ cảnh văn hóa thời đại.

– Lấy tư tưởng chính của văn bản mà soi sáng mọi chi tiết trong văn bản, từ đó nắm bắt được đầy đủ ý nghĩa của văn bản.

– Thể nghiệm ý nghĩa của văn bản văn học thông qua liên tưởng, tưởng tượng. Thể nghiệm không phải là kinh nghiệm thông thường (tiếng Anh là experience) mà đó là một thuật ngữ của tâm lý học nghệ thuật (tiếng Anh là lived experience – kinh nghiệm sống động). Thể nghiệm chỉ sự chủ thể trải nghiệm trong thể chủ động của lĩnh hội, suy ngẫm.

#### 2.4.2 Phương pháp xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập

Trên cơ sở mục tiêu rèn luyện năng lực Ngữ văn, GV lựa chọn một số nội dung; từ đó xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập phù hợp với đối tượng HS. Hệ thống này có tác dụng nhanh giúp HS nâng cao năng lực Ngữ văn. GV hướng dẫn HS thực hiện phương pháp này trong ba thời điểm: trước giờ học, trong giờ học và sau giờ học.

Ví dụ với bài *Thuật hoài* (Tò lòng) của Phạm Ngũ Lão:

– Trước giờ học: GV nhắc nhở HS ôn tập kiến thức liên quan, giao bài tập về nhà (HS chuẩn bị, suy nghĩ, đặt câu hỏi của cá nhân...). Những hoạt động này là nền tảng quan trọng để tiến hành tiết học trên lớp.

– Trong giờ học: Là công đoạn quyết định thành công của tiết học và quá trình hình thành, phát triển năng lực toàn diện của HS. GV có thể tổ chức cho HS trả lời cá nhân hoặc hoạt động nhóm theo hệ thống câu hỏi, bài tập gợi ý sau:

+ Nhận xét điểm khác nhau trong bản dịch nghĩa và dịch thơ của văn bản.

+ Bài thơ thuộc loại thơ bày tỏ nỗi lòng của tác giả. Vậy nỗi lòng ở đây là gì?

+ Hãy tìm những hình ảnh thể hiện khí phách anh hùng của người trai thời Trần, để từ đó trình bày suy nghĩ về “hào khí Đông A” thể hiện trong bài thơ.

+ Quan niệm “công danh trái” được hiểu ra sao, tích cực hay tiêu cực? Quan niệm công danh của Phạm Ngũ Lão có còn giá trị với thanh niên ngày nay không?

– Sau giờ học: là công đoạn khá quan trọng, góp phần hoàn thiện quá trình tiếp nhận văn bản, giúp kiểm tra kết quả giảng dạy, học tập. GV có thể yêu cầu HS:

+ So sánh lý tưởng công danh của Phạm Ngũ Lão qua bài *Thuật hoài* (Tò lòng) và Nguyễn Công Trứ qua bài *Chí nam nhi* (hoặc bài *Nợ nam nhi*).

+ Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 100 từ) trình bày suy nghĩ về lý tưởng, khát vọng sống của bản thân - đại diện cho tuổi trẻ Việt Nam ngày nay.

#### 2.4.3 Phương pháp hoạt động nhóm

Phương pháp này thì HS trong lớp được chia thành từng nhóm nhỏ (4-6 HS), trong thời gian giới hạn, mỗi nhóm hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên cơ sở phân công, hợp tác. Kết quả của từng nhóm được trình bày, đánh giá trước lớp. Phương pháp này phát huy hiệu quả đối với những bài học có dung lượng kiến thức lớn, bao gồm những nội dung nhỏ độc lập hoặc có vấn đề cần tranh luận. Là phương pháp dạy học sinh động, khơi dậy hứng thú đối với môn học; nếu được tổ chức tốt sẽ phát huy nhiều năng lực cá nhân, nhất là năng lực giao tiếp, hợp tác; tính tích cực, năng động và tinh thần trách nhiệm.

Thực hiện tốt phương pháp này thì GV cần tiến hành các bước cần thiết sau:

B1 (chuẩn bị): đề tài, nội dung, phương tiện hỗ trợ.

B2 (thực hiện): chia nhóm, cử nhóm trưởng, người báo cáo, HS bàn luận - lắng nghe - ghi chép hiệu quả.

B3 (trình bày kết quả): đại diện nhóm trình bày, các thành viên trong nhóm bổ sung; các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến; GV nhận xét, kết luận.

#### 2.4.4 Dạy học theo dự án

Dự án: Nghiên cứu về một tác gia văn học.

Theo K. Freg - nhà giáo dục hàng đầu về dạy học theo dự án của Cộng hòa liên bang Đức: “Dạy học theo dự án là một hình thức hoạt động dạy học trong đó nhóm HS xác định một chủ đề làm việc, thống nhất nội dung làm việc, tự lập kế hoạch và tiến hành công việc dẫn đến một kết thúc có ý nghĩa, thường xuất hiện một sản phẩm có thể trình ra được. Dạy học theo dự án nhấn mạnh vai trò người học” (Nguyễn Thị Kim Hằng, 2018). Theo bộ Giáo dục Singapore: “Học theo dự án là hoạt động học tập, nhằm tạo cơ hội cho HS tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực học tập và áp dụng một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống” (Nguyễn Thị Kim Hằng, 2018).

Ví dụ với phần tác gia “Nguyễn Du” (tác gia, *Truyện Kiều* và các đoạn trích *Truyện Kiều* trong SGK), có thể tiến hành dự án như sau:

Trước khi thiết kế dự án, GV cần lập kế hoạch hoạt động, cụ thể:

- Xác định mục tiêu (về kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm, sản phẩm).
- Phương pháp (trải nghiệm,...), phương tiện nghiên cứu (SGK, internet...).
- Đối tượng tham gia (HS lớp 10...).
- Thời gian thực hiện (học kỳ II, kéo dài trong 5 tuần).
- Các hoạt động của dự án:
  - + Giai đoạn chuẩn bị (1 tuần): lập nhóm, phân công, chuẩn bị tư liệu, thiết kế chương trình.
  - + Giai đoạn thực hiện (1 tuần): tham quan khu lưu niệm đại thi hào Nguyễn Du (nằm trong quần thể di tích dòng họ Nguyễn Tiên Điền ở quê hương ông; thuộc về Nguyễn Du gồm hai ngôi nhà Tư văn, khu mộ, bảo tàng, nhà thờ); HS quay phim, chụp ảnh, ghi âm, ghi chép, vẽ tranh... về khu lưu niệm (thời điểm đầu xuân còn có những đêm thơ Nguyễn Du) làm tư liệu học tập, thực hiện sản phẩm.
  - + Giai đoạn học tác giả Nguyễn Du, tác phẩm *Truyện Kiều* (2 tuần): Việc dạy học chủ đề thường kết hợp nhiều phương pháp dạy học.
  - + Giai đoạn hoàn thành sản phẩm, tổng kết dự án (1 tuần): GV yêu cầu HS nộp kết quả dự án - sản

phẩm (video clip, bài thu hoạch...); GV đánh giá, HS tự đánh giá (sản phẩm của nhóm mình), đánh giá (sản phẩm của các nhóm khác).

Ý nghĩa của dự án: Cung cấp cái nhìn tổng thể, sâu sắc về tác gia, tác phẩm của Nguyễn Du... Giúp HS hình thành, phát triển đa dạng năng lực chung và riêng.

#### 2.5 Kiểm tra đánh giá năng lực Ngữ văn của học sinh

Nhà nghiên cứu giáo dục Deketele đã định nghĩa về đánh giá như sau: “Đánh giá là thu thập một tập hợp thông tin đủ thích hợp, có giá trị và đáng tin cậy; xem xét sự phù hợp giữa tập hợp thông tin này với một tập hợp tiêu chí phù hợp với các mục tiêu định ra ban đầu nhằm đưa ra một quyết định” (Nguyễn Thúy Hồng, 2008). Như vậy đánh giá không chỉ nhằm vào điểm số, xếp loại mà còn là quá trình thu thập thông tin, phân tích sự biến chuyển tri thức của người học so với mục tiêu cần đạt; từ đó, điều chỉnh hoạt động dạy và học tiếp theo nhằm đạt kết quả tốt nhất có thể. Việc đánh giá được thực hiện dựa trên một hệ thống tiêu chuẩn được cụ thể hóa từ mục tiêu đề ra. Môn Ngữ văn hình thành, bồi dưỡng cho HS năng lực tiếp nhận, tạo lập văn bản. Để đánh giá đúng năng lực Ngữ văn của HS cần có bộ công cụ phù hợp với mục đích, tính chất các bài kiểm tra, kỳ thi. Mặt khác, cách đánh giá theo năng lực là sự đánh giá đa diện, nhiều chiều - là sự tổng hợp cách đánh giá của GV, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS (trong nhóm, lớp). Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và cuối cấp mang tính chất thực hành, rèn luyện nhằm nâng cao toàn diện năng lực Ngữ văn (năng lực chung và riêng) cho HS. Vì vậy, cần kết hợp đánh giá định tính và định lượng: nhiều hình thức, mức độ khác nhau; đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc / trình bày, viết; chọn ngữ liệu mới phù hợp với trình độ HS; hệ thống câu hỏi đa dạng, phát huy tư duy độc lập, sáng tạo của HS; hướng dẫn chấm khoa học. Dù đánh giá theo hình thức nào cũng phải bảo đảm nguyên tắc: học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực đọc, năng lực tư duy hình tượng, tư duy logic.

Chẳng hạn, việc đọc hiểu tác phẩm văn học trung đại gắn kết với những liên hệ so sánh, kết nối phải được từng bước nâng cao. Bước đầu từ yêu cầu vận dụng hiểu biết về tác giả văn học trung đại để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả. Tiến xa hơn, đọc hiểu những nghiên cứu về tác giả, tác phẩm, thể hiện thái độ đồng tình hay không đồng tình với văn bản nghiên cứu, phân tích lý do vì sao đồng tình hoặc không đồng tình. Hoặc đi xa hơn nữa là sự đánh giá, phê bình tác giả, tác phẩm dựa trên kiến thức, trải nghiệm và quan điểm độc lập của bản thân.

Việc đánh giá như trên kết hợp với việc bồi dưỡng năng lực so sánh kết nối góp phần phát huy năng lực của người học.

### 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Giảng dạy tác phẩm văn học trung đại Việt Nam trong chương trình trung học phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực hướng tới những mục tiêu và kết quả sau:

Thứ nhất, phải hiểu rõ năng lực người học, xây dựng mục tiêu học tập cần đạt được, mô tả chi tiết, có thể quan sát, đánh giá, ghi nhận sự tiến bộ một cách liên tục. Đáp ứng mục tiêu đó, giảng dạy cần lựa chọn những nội dung đạt kết quả đầu ra đã xác định, gắn với các hoàn cảnh thực tế. Giáo viên là người tổ chức, hỗ trợ; học sinh chủ động, tự lực lĩnh hội kiến thức, chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng vận dụng trong các tình huống thực tiễn. Tiêu chí đánh giá, dựa vào kết quả đầu ra, đặc biệt ghi nhận sự tiến bộ của người học. Có thể đánh giá theo sáu mức độ gồm: 1. Nhớ (có biết, có nghe qua); 2. Hiểu (có hiểu biết, có thể tham gia); 3. Ứng dụng (mức độ ứng dụng); 4. Phân tích (có khả năng phân tích); 5. Đánh giá (khả năng đánh giá); 6. Vận dụng - sáng tạo (khả năng vận dụng sâu sắc đi đến sáng tạo).

Thứ hai, chú ý đánh giá, phát triển năng lực ngôn ngữ (hiểu và sử dụng ngôn ngữ đúng, hay, sáng tạo) giúp người học hiểu rõ tính hàm súc, đa nghĩa của chữ Hán

Thứ ba, phát triển năng lực hiểu sâu sắc, nắm vững kiến thức lý luận, những đặc trưng thi pháp về thể loại văn học trung đại, đặc biệt thể loại thơ, phú, cáo, hịch; từ đó hiểu sâu giá trị nội dung tư tưởng văn học

Thứ tư, phát triển năng lực thẩm mỹ, nhân văn, xây dựng con người kết tinh ở chiều sâu văn hóa truyền thống - hiện đại.

Thứ năm, sử dụng các phương pháp dạy học phát triển năng lực toàn diện (năng lực chung, năng lực riêng) cho người học.

Thực tế giảng dạy cho thấy GV không thể và không nên thực hiện một phương pháp, hình thức dạy học thuần túy; luôn cần có sự kết hợp đa dạng, linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học.

### 4 KẾT LUẬN

Giáo dục theo định hướng dựa vào năng lực người học có nguồn gốc sâu xa từ Đạo luật Morrill Land 1862 của Mỹ, cung cấp nền tảng đầu tiên cho khái niệm giáo dục ứng dụng. Đạo luật này thể hiện tầm nhìn giáo dục vượt thời gian, có giá trị đến ngày hôm nay. Từ tính chất khai mở của đạo luật, các nhà

xây dựng chương trình kế thừa, phát triển tính chất giáo dục hướng tới mục tiêu đào tạo dựa vào năng lực người học hơn là truyền thụ tri thức.

Trong 10 thế kỷ đầu của nền văn học viết (từ đầu thế kỷ thứ X đến hết thế kỷ XIX), văn học trung đại Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cao quý của mình - đóng góp to lớn trong việc bồi dưỡng phẩm chất cao đẹp, tinh thần sáng tạo; nâng tâm vóc dân tộc, đất nước trong tương quan quốc tế. Tinh thần yêu nước, sức mạnh đoàn kết trong những áng văn chương cô như *Nam quốc sơn hà*, *Hịch tướng sĩ*, *Cáo bình Ngô*, *Hịch Tây Sơn*, *Biểu trần tình...* đã góp phần không nhỏ làm nên những chiến công hiển hách, giữ vững độc lập, nâng cao vị thế Việt nam, đặc biệt trong bang giao với Trung Hoa. Ngày nay thơ văn trung đại vẫn tiếp tục phát huy giá trị bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, ý thức cho bao thế hệ con người Việt Nam. Vì vậy định hướng tiếp cận năng lực trong dạy học tác phẩm văn học trung đại Việt Nam chính là cách chúng ta giáo dục ý thức gắn bó với cội nguồn văn hóa dân tộc đồng thời mở ra những chân trời tri thức mới cho những người trẻ trong xã hội Việt Nam hôm nay.

Mục đích cuối cùng của chương trình dạy học tiếp cận năng lực là sau quá trình học tập, HS phát triển, hoàn thiện năng lực (năng lực chung và năng lực riêng). Cụ thể HS được bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, gắn bó với cộng đồng; tự tin giải quyết công việc hiệu quả góp phần tích cực xây dựng cuộc sống bản thân và phát triển xã hội. Điểm nổi bật trong phát triển năng lực ở bộ môn ngữ văn cho người học là năng lực thẩm mỹ và ngôn ngữ. Năng lực thẩm mỹ giúp người học nhận biết, phân tích, đánh giá, sáng tạo cái đẹp trong nghệ thuật và cuộc sống. Giá trị thẩm mỹ của tác phẩm văn học trung đại Việt Nam là tính cao nhã. Khi đạt tới "cảnh giới" của sự cao nhã thì tâm hồn thanh tao, trong sáng; sức mạnh tinh thần giúp đẩy lui cái xấu, cái ác; giữ vững, phát huy phẩm giá nhân văn của con người. Năng lực ngôn ngữ phát triển; con người không chỉ sử dụng kỹ năng ngôn ngữ thành thạo mà còn có ý thức sâu sắc, khả năng nâng cao các giá trị văn hóa truyền thống và tiếp thu nhanh chóng kiến thức hiện đại. Ý thức sức mạnh ngôn ngữ, người học nỗ lực học tập ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ nước ngoài, nâng cao trình độ văn hóa bản thân, sống hữu ích, đóng góp vào kho tàng tri thức văn hóa Việt Nam và văn minh nhân loại.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đặng Văn Bình, Hoàng Văn Chức, Nguyễn Đại Dương và *ctv.*, 2018. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng II, tái bản lần thứ nhất. Nhà xuất bản Giáo dục, 383 trang.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. Chương trình giáo dục phổ thông - chương trình tổng thể, 07.2017, ngày truy cập 15.11.2018. Địa chỉ: [giaoduc.net.vn/Uploaded/2017\\_07\\_28/CTGDĐT\\_28\\_07\\_17.pdf](http://giaoduc.net.vn/Uploaded/2017_07_28/CTGDĐT_28_07_17.pdf).
- Chương trình Giáo dục Phổ thông môn Ngữ văn, Ban hành kèm theo thông tư 32/2018/TT- BGDD (Thông tư có hướng dẫn cụ thể hoạt động giảng dạy môn ngữ văn lớp 10, lớp 11, lớp 12 , từ tr.58-86), ngày 26-12-2018, ngày truy cập 5.4.2019. Địa chỉ: <https://data.moet.gov.vn/index>.
- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), 2010. Từ điển thuật ngữ văn học, tái bản lần thứ tư. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh, 452 trang.
- Aristote và Lưu Hiệp, 1999. Nghệ thuật thơ ca - Văn tâm điều long. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 286 trang.
- Phương Lưu, La Khắc Hòa và Trần Mạnh Tiến, 2006. Tiến trình văn học. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 334 trang.
- Lê Trí Viễn, 2001. Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam, xuất bản lần thứ nhất. Nhà xuất bản Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 287 trang.
- Trần Đình Sử, Hồng Dân, Nguyễn Đăng Mạnh và ctv, 2006. Ngữ văn 10 nâng cao tập II, xuất bản lần thứ nhất. Nhà xuất bản Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh, 215 trang.
- Nguyễn Thị Kim Hằng, 05.04.2018. Bước đầu vận dụng dạy học theo dự án trong học phần phương pháp dạy học Lịch sử, ngày truy cập 20.11.2018. Địa chỉ: [ukh.edu.vn/vi-vn/chi-tiet-tin/id/769/Buoc-dau-van-dung-day-hoc-theo-du-an-trong-hoc-phan-Phuong-phap-day-hoc-lich-su](http://ukh.edu.vn/vi-vn/chi-tiet-tin/id/769/Buoc-dau-van-dung-day-hoc-theo-du-an-trong-hoc-phan-Phuong-phap-day-hoc-lich-su).
- Nguyễn Thúy Hồng, 2008. Đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh THCS, THPT, tái bản lần thứ hai. Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội, 124 trang.